

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Út

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Bà Lâm Thị Tám.  
2. Bà Lý Thị Đào.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2020/QĐST- DS ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Lý Thị Ngọc Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 23, ấp L, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (*có mặt*)

***2. Bị đơn:*** Anh Hứa Hoàng H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 74/22, ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (*vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lý Ngọc Th đề ngày 30 tháng 01 năm 2020 ; Lờ khai ngày 20/3/2020 và lờ khai tại phiên tòa có nội dung sau:

Chị Lý Ngọc Th và anh Hứa Hoàng H hai người kết hôn nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 28 tháng 01 năm 2011.

Thời gian chung sống chị Th và anh H có hai người con chung là cháu Hứa Thanh C, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Hứa Thị Thanh F sinh ngày 25/10/2015, hiện các con đang sống với chị Th.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Chị Th cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã với nhau do tính tình vợ chồng không hợp. Nguyên nhân chính là do anh H thường xuyên dùng vũ lực và có những lời lẽ xử sự thiếu tế nhị đối với chị. Hơn nữa trong cuộc sống anh H không quan tâm chăm sóc cho vợ con dẫn đến đời sống vợ chồng sống không hạnh phúc và hai người sống ly thân nhau từ tháng 10/2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị và anh H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng trở lại.

Tại phiên tòa hôm nay chị Th yêu cầu được ly hôn đối với anh H. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Hứa Thanh C và cháu Hứa Thị Thanh F đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Th thì anh H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo triệu tập anh H đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H không đến Tòa án hòa giải và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án biết về ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Th cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chị Lý Thị Ngọc Th được quyền ly hôn với anh Hứa Hoàng

Về con chung, tiếp tục giao cháu Hứa Thanh C, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Hứa Thị Thanh F sinh ngày 25/10/2015 cho chị Th được quyền trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh H được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Th không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đương sự chịu án phí theo qui định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị Ngọc Th khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Hứa Hoàng H và hiện nay anh H cư trú tại ấp B xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung: Chị Lý Thị Ngọc Th và anh Hứa Hoàng H hai người kết hôn nhau vào năm 2011 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 28 tháng 11 năm 2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu xin ly hôn của chị Th, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Th và anh H sống hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thể hiện anh H thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, không quan tâm đến đời sống của vợ con, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, xét thấy những mâu thuẫn hàng ngày trong gia đình, vợ chồng không có biện pháp khắc phục để ôn hòa với nhau mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, đến mức không khả năng khắc phục được, hiện tại chị Th và anh H hai người không còn sống chung nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án thì anh H cũng biết được việc chị Th yêu cầu ly hôn đối với anh H, nhưng anh H không có thiện chí hàn gắn trở lại nên anh H không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị Th và anh H hai người sống ly thân nhau thời gian khá lâu, về mặt tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng. Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh H, xét thấy yêu cầu trên của chị Th là cần thiết. Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị Ngọc Th đối với anh Hứa Hoàng H là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Th yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Hứa Thanh C và cháu Hứa Thị Thanh F đến tuổi trưởng thành, xét yêu cầu được nuôi con của chị Th cũng hợp lý vì hiện nay các con đang sống với chị Th hiện tại cháu F còn nhỏ và cháu C hiện nay cháu trên 7 (Bảy) tuổi, cháu cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Từ phân tích trên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Th là có căn cứ đúng pháp luật. Giao cho chị Th tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con Hứa Thanh C, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Hứa Thị Thanh F sinh ngày 25/10/2015 đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung và anh H không thể hiện tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lý Thị Ngọc Th phải chịu án phí theo qui định pháp luật là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

[8] Các quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, và các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lý Thị Ngọc Th đối với Hứa Hoàng H. Chị Lý Thị Ngọc Th được ly hôn với anh Hứa Hoàng H

2. Về con chung: Giao chị Lý Thị Ngọc Th tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung Hứa Thanh C, sinh ngày 08/11/2011 và cháu Hứa Thị Thanh F sinh ngày 25/10/2015 đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Hứa Hoàng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu..

**4. Về tài sản chung và nợ chung:** Chị Th xác định không có và không yêu cầu, anh H không thể hiện có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

**5. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Lý Thị Ngọc Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000159 ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Út**